

Số: ~~1587~~/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~11~~ tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/9/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Hà Thái để thực hiện Dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò tại phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: 369/TTr-SNNMT ngày 16/10/2025 về việc đề nghị điều chỉnh Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty Cổ phần đầu tư đô thị Hà Thái để thực hiện Dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò tại phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh diện tích đất 14.804,5 m² đất ở tại đô thị (ghi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1075/QĐ-UBND) thành 14.162,5 m²;

- Điều chỉnh diện tích 34.457,6 m² đất, gồm: đất nhà ở xã hội, đất nhà văn hoá, đất cây xanh, công viên, đất giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật (ghi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1075/QĐ-UBND) thành 35.099,6 m² đất, gồm: đất nhà ở xã hội, đất nhà văn hoá, đất cây xanh, công viên, đất giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật, đất tái định cư.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất điều chỉnh được xác định tại Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) từ bản đồ địa chính số 48, số 49, số 59 phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*trùng ứng từ bản đồ địa chính số 2, số 3, số 8 phường Phố Cò, thành phố Sông Công (trước đây)*), tỷ lệ 1:500 do Văn phòng Đăng ký đất đai lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận ngày 16/10/2025.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Thuế tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sông Công, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Hà Thái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm thông tin tỉnh) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Anhd. T10/2025.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1587 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Tại Quyết định số 1075/UB-UBND ngày 05/9/2025						Nội dung điều chỉnh					
STT	Loại đất (Ký hiệu lô QH)	Diện tích giao đất (m ²)				STT	Loại đất (Ký hiệu lô QH)	Tờ bản đồ số 48 (2)	Tờ bản đồ số 49 (3)	Tờ bản đồ số 59 (8)	Tổng
		Tờ bản đồ số 2	Tờ bản đồ số 3	Tờ bản đồ số 8	Tổng						
I	Đất ở mới				14.804,5	I	Đất ở mới				14.162,5
...	...	...	...	...			...	...	...	...	...
13	LK 16	1.018,5			1.018,50	13	LK 16	376,5			376,5
II	Đất xây dựng nhà ở xã hội, đất công cộng, đất cây xanh, công viên, TDTT, đất giao thông, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật				34.457,6	II	Đất xây dựng nhà ở xã hội, đất công cộng, đất cây xanh, công viên, TDTT, đất giao thông, bãi đỗ xe, đất hạ tầng kỹ thuật, đất tái định cư,				35.099,6
...	...	..	...	...	...		...	...	...	...	...
						6	Đất tái định cư	642,0			642,0
Tổng cộng		3.328,9	12.983,3	2.949,9	49.262,1	Tổng cộng		33.328,9	12.983,3	2.949,9	49.262,1